

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 – 01 – 2022

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hai

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 140/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thúy H**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn N**, sinh năm 1972; Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện T, tỉnh L.

Bà H có mặt; Ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thúy H: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:

Bà H và ông Võ Văn N có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh L vào ngày **16/4/2003**. Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên là Võ Thị

Thúy Q, sinh ngày 17/12/1991; Võ Thị Thúy Q1, sinh ngày 11/6/1993 và Võ Thị H, sinh ngày 20/8/1999. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2012 thì giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, Ông N không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, Bà H nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và Ông N ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Võ Văn N.
- Về con chung: Các con chung đã thành niên nên Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Võ Văn N: Ông N đã được Tòa án nhân dân huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng Ông N vắng mặt không có lý do và không có ý kiến hay văn bản đề nghị gửi cho Tòa án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện T tiến hành các thủ tục tố tụng để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Võ Văn N có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh L vào năm 2003 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, Ông N cư trú trên địa bàn thuộc huyện Thanh Hoá, tỉnh L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hoá theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông Võ Văn N: Xét thấy, Ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt Ông N.

[3] Về hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy H và ông Võ Văn N:

Xét thấy, Bà H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, Ông N không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Bà và Ông N đã sống ly thân từ năm 2017.

Bà H xác định mâu thuẫn giữa bà và Ông N là không thể hàn gắn được, Bà H hiện không còn tình cảm với Ông N nên yêu cầu được ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông N vắng mặt không tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến phản bác lời trình bày của Bà H và cũng không có hành động biểu hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, lời trình bày của Bà H về tình trạng mâu thuẫn giữa bà với Ông N là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa Bà H và Ông N không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà H đối với Ông N.

[4] Về con chung: Bà H và Ông N có ba con chung tên Võ Thị Thúy Q, sinh ngày 17/12/1991; Võ Thị Thúy Q1, sinh ngày 11/6/1993 và Võ Thị H, sinh ngày 20/8/1999. Do các con chung đã thành niên nên Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N vắng mặt và không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, Ông N không có văn bản thể hiện yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thúy H đối với ông Võ Văn N.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thúy H được ly hôn với ông Võ Văn N.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Toà án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010786 ngày 29 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh L sang thi hành án phí. Bà H đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Võ Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà H có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ, huyện T (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật